

Tên của Đức Chúa TRỜI là gì?

Lê Anh Huy



1- Hai danh của Đức Chúa TRỜI:

Khi Đức Chúa TRỜI sai Mô-se về lại Ai-cập để đưa dân Ngài vào vùng hoang dã để thờ phượng Ngài, Mô-se hỏi Đức Chúa TRỜI cho ông biết Ngài là ai để khi dân Do thái hỏi, ông biết mà trả lời họ. Ngài bèn trả lời ông: "Ta là Đấng **TA LÀ**." Ngài còn phán với ông: "Như vậy người sẽ nói với những con trai Dích-ra-ên (Y-sơ-ra-ên): "TA LÀ đã sai ta tới các ngươi.'" (Xuất hành 3:14 - Thánh Kinh Tiêu Chuẩn). "Ta là Đấng TA LÀ" trong các phiên bản tiếng Anh là: "I am who I AM" đọc theo tiếng Do-thái là "Ehyeh 'ăser 'EHYEH". "Ehyeh" là động từ "hayhah" trong tiếng Do-thái ("to be" trong tiếng Anh, và động từ "là" trong tiếng Việt) đã được chia theo ngôi thứ nhất trong thì hiện tại. Vì thế, tên riêng của Đức Chúa TRỜI gọi theo tiếng Việt là "TA LÀ," theo tiếng Anh là "I AM," và theo tiếng Do-thái là "EHYEH".

Tuy nhiên, Đức Chúa TRỜI còn gọi Ngài là YHWH nữa. Trong Xuất hành 3:15, Ngài phán với Mô-se: "Người sẽ nói cho Dích-ra-ên như vậy: **Gia-vê**, Đức Chúa TRỜI của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa TRỜI của Áp-ra-ham, Đức Chúa TRỜI của Y-sác, Đức Chúa TRỜI của Gia-cóp, sai ta đến cùng các ngươi."

"Gia-vê" trong phiên bản Thánh Kinh "Phan Khôi" là "Giê-hô-va." Tại sao có hai tên dịch khác nhau? Nguyên ngữ Do-thái từ đó hai danh này được dịch ra là gì? Danh "Gia-vê" hay "Giê-hô-va" liên quan gì đến danh "TA LÀ"? Đây là các câu hỏi mà chúng ta sẽ cố gắng trả lời trong bài này.

Trước hết, "Gia-vê" hay "Giê-hô-va" được dịch từ cùng một chữ Do-thái [1]. Đó là:

Phụ âm Do-thái	ה	ו	ה	י
Tên phụ âm	He	Waw	He	Yodh

viết từ phải qua trái theo cách viết của người Do-thái (như chữ Hán). Nếu chúng ta sắp xếp lại từ trái qua phải theo cách của người Việt thì danh xưng thứ hai của Đức Chúa TRỜI là:

Phụ âm Do-thái	י	ה	ו	ה
Tên phụ âm	Yodh	He	Waw	He

Bốn chữ cái của tiếng Do-thái kết hợp lại thành danh của Đức Chúa TRỜI và danh này được người ta nhắc đến một cách ngưỡng trọng là Bốn Chữ Ấy ("the Four Letters" hay "the Tetragrammaton"). Bốn mẫu tự này được "dịch âm" [2] qua các ngôn ngữ như sau:

- 1- Tiếng Anh: JHVH và YHWH
- 2- Tiếng Pháp, tiếng Đức: JHVH
- 3- Tiếng La-tin: IHVH

Vì danh YHWH của Đức Chúa TRỜI được cấu tạo bởi bốn phụ âm nên chúng ta không thể phát âm được. Để vượt qua trở ngại này, người ta thêm vào các mẫu âm. Bằng cách này, người Do-thái phát âm chữ YHWH trong Thánh Kinh là Adonai. Cũng do việc thêm mẫu âm vào nên chúng ta mới có Jehovah và Yahweh trong tiếng Anh, từ đó mới có Giê-hô-va và Gia-vê trong tiếng Việt. Trong một số phiên bản Thánh Kinh tiếng Anh, trong đó có New American Standard Version (NASB), người ta thay thế Bốn Chữ Ấy thành "the LORD" (viết hoa hết: L-O-R-D). Với mục đích dịch sát nguyên ngữ, trong cột tiếng Anh của phiên bản Thánh Kinh Tiêu Chuẩn (www.thanhkinhtieuchuan.org), chúng tôi thay chữ "the LORD" bằng chữ "YHWH" trong cột tiếng Anh và viết "Gia-vê" trong cột tiếng Việt.

Như vậy, Adonai hay Giê-hô-va hay Gia-vê về cơ bản giống nhau: Đó là do loài người thêm mẫu âm vào Bốn Chữ Ấy để đọc được danh YHWH của Đức Chúa TRỜI trong ngôn ngữ của mình.

Bây giờ chúng ta cố gắng giải quyết vấn đề thứ hai: Đó là "Giê-hô-va" hay "Gia-vê" và "TA LÀ" có liên quan gì với nhau?

Đây là một câu hỏi có nhiều câu trả lời khác nhau. Theo cước chú của NASB, "YHWH" được rút ra từ động từ "hayhah" ("to be" hay "là"). Theo cước chú của New Revised Standard Version (NRSV), có "gạch nối" giữa YHWH và động từ hayah. Theo John D. Hannah EHYEH (TA LÀ) có lẽ là một cách "chơi chữ" từ YHWH ("*Ehyeh is probably a wordplay on Yahweh (LORD)*") [3]. Tất cả các nguồn này cho chúng ta một cảm giác rằng có một sự liên quan nào đó giữa "HAYAH" và "YHWH" (hay "TA LÀ" và "Gia-vê") nhưng không một nguồn nào giải thích một cách chính xác hai chữ này liên quan với nhau như thế nào. Theo tác giả, mối tương quan của hai danh này là cùng là danh xưng của Đức Chúa TRỜI, nhưng còn về mặt ngữ pháp không có nguồn nào mà tác giả đã gặp có lời giải thích thoả đáng. Do đó tác giả bài này phải dừng lại tại một kết luận: Tên gọi của Chúa là "TA LÀ" và tên viết của Ngài là Bốn Chữ Ấy, được dịch âm qua tiếng Anh là JHVH hay YHWH. Sau khi thêm mẫu âm vào để đọc được, Bốn Chữ Ấy trở thành Jehova hoặc Yahweh và từ đó chúng ta có Giê-hô-va hay Gia-vê trong tiếng Việt. Vì vậy trong khi đọc Thánh Kinh gặp Bốn Chữ Ấy (YHWH hay JHVH) chúng ta có thể gọi theo tiếng Việt là Giê-hô-va hay Gia-vê.

2- Đức Chúa Giê-su và TA LÀ:

"TA LÀ" được ban dịch thuật Phan Khôi gọi là "TỰ HỮU HẰNG HỮU." Điều này nói lên Đức Chúa TRỜI là Đấng tự có, không ai sinh ra Ngài cả. Chân lý này đối nghịch với đạo Phật vì theo đạo này, chẳng có một ngã nào tự hữu, và trường tồn. Tất cả vạn vật mà chúng ta nhìn thấy, rờ mó, tiếp cận được chỉ là ảo giác do nghiệp sinh ra. Loài người đau khổ vì ảo giác này. Chỉ có thoát khỏi ảo giác đó để trở về KHÔNG thì chúng sinh mới thoát khỏi vòng luân hồi và do đó thoát được sự đau khổ. KHÔNG là Niết bàn trong Phật Giáo. Trong đạo Chúa, TỰ HỮU HẰNG HỮU là chân lý, là CÓ duy nhất và từ đó cả một vũ trụ tuôn trào ra, từ không thành có. Đức Chúa TRỜI vì thế là Nguồn của sự hiện hữu; nếu không có Ngài thì sẽ không có gì cả. Đó chính là Đức Chúa Giê-su mà Thánh Kinh đã nói tới: "*Tất cả các sự vật đã được khởi tự bởi Ngài, không một vật gì đã được khởi tự mà đã khởi tự*" (Gioan-nết 1.3 - Thánh Kinh Tiêu Chuẩn).

Đức Chúa TRỜI là Nguồn của tạo vật nên Ngài vượt quá (transcendent) tạo vật. Một trong các tạo vật bởi Ngài là dòng thời gian. Năm, tháng, ngày, giờ, phút, giây, khoảnh khắc chỉ phõi con người chứ không chi phõi Chúa. Thời gian không chi phõi Ngài vì: "*với Chúa một ngày như một ngàn năm và một ngàn năm như một ngày*" (2Pét-rô 3.8 – Thánh Kinh tiêu Chuẩn). Tất cả những hành động chúng ta làm xuất hiện tuần tự trong chiều thời gian, cái trước, cái sau so với "nơi" chúng ta "đứng" gọi là "bây giờ." Chúng ta nói rằng ngày mai

chúng ta **sẽ** đi làm, hay **sẽ** đi học. Chúng ta thêm chữ “sẽ” vào vì động từ “đi làm” hay “đi học” chưa xảy ra bây giờ mà “sẽ” xảy ra ngày mai. Hoặc chúng ta nói rằng ngày hôm qua chúng ta **đã** đi làm hoặc **đã** đi học. Chúng ta thêm “đã” vào trước động từ “đi làm” hay “đi học” vì động từ này đã xảy ra trong quá khứ rồi. Những cái gì xuất hiện sau lưng của chúng ta, ta gọi đó là quá khứ; và cái gì trước mặt, là tương lai. Chúng ta thấy được những cái gì sau lưng, chứ không thể thấy được trước mặt. Vì thế Thánh Kinh dạy rằng chúng ta đừng khoác lác nói rằng sang năm chúng ta làm gì, buôn gì bán gì, vì chúng ta không biết được tương lai (Gia-cô-bô 4.13-15). Nhưng *Đức* Chúa TRỜI thì khác. Vì Ngài không phụ thuộc chiều thời gian (hay nói cách khác, Ngài đứng ngoài chiều thời gian) nên Ngài biết chúng ta trước khi tạo chúng ta trong bụng mẹ (Giê-rê-mi 1.5). Đối với Ngài, cả quá khứ, hiện tại, tương lai của Giê-rê-mi xuất hiện trước Ngài như một chấm nhỏ, vì thế không có điều gì ẩn khuất trước mặt Ngài. Theo Giê-rê-mi, có quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng theo *Đức* Chúa TRỜI, cả cuộc đời một người chỉ là một chấm “hiện tại” trước mắt.

Thời gian là một khái niệm rất quen thuộc, thật và rõ ràng như sự sống và cái chết, nhưng chẳng ai hiểu nó là gì. Trong khoa học, thời gian là một thực thể khác nhau trong các lý thuyết vật lý khác nhau. Thế giới vi mô—thế giới thật nhỏ, thế giới của những điện tử—được mô tả bởi lý thuyết lượng tử trong đó thời gian là một thực thể **nằm ngoài** vũ trụ nhỏ bé đó. Nhưng đối với thế giới vĩ mô, như thế giới của các thiên hà, lý thuyết tương đối rộng của Einstein cho rằng thời gian là một thực thể **nằm trong** vũ trụ đó. Như vậy thời gian là gì không ai có thể trả lời cho nhất quán, nhưng chúng ta biết thời gian “trôi” như một dòng sông. Khi còn nhỏ xíu, chúng ta không có khái niệm về sự trôi chảy của dòng thời gian, nhưng khi đứa bé đó hiểu ra một người sống sẽ chết, thì nó bắt đầu nhận ra vết chân của thời gian.

Để mô tả vết chân của thời gian, loài người chúng ta sáng tạo ra thì trong ngôn ngữ. Không như Anh ngữ và một số ngôn ngữ chính xác về cách biểu lộ thời gian khác, tiếng Việt ít chú trọng vào thời tính nên số thì để diễn tả thời gian rất ít. Người Việt có khuynh hướng “xí xóa” cho thời gian. Đây là điều mạnh cũng là điểm yếu của chúng ta. Đối với nhiều người Việt, 59 giây là một phút, vì thế họ đợi hai tiếng tiệc cưới mới được dọn ra mà không lấy làm phiền lòng! Nhưng cũng nhờ cá tính này mà người Việt có thể đánh du kích cả một ngàn năm cho tới chừng nào điều mình ước mơ thành sự thật mới thôi.

Nhưng khi bàn về Thánh Kinh, chúng ta hy vọng rằng cá tính ít nhạy cảm với thời gian không ngăn trở chúng ta nhận ra được một chân lý. Chúng ta thấy gì khi đọc các lời Thánh Kinh sau đây?

*“Vì thế người Giu-đa nói với Ngài: Thầy chưa được 50 tuổi và Thầy đã thầy Áp-ra-ham ư? Giê-su nói với họ: Quả thật, quả thật Ta nói với các ngươi, **trước khi** Áp-ra-ham **đã đến** trong sự hiện hữu, **Ta là.**” (Gioan-nê 8:57-58 – Thánh Kinh Tiêu Chuẩn).*

(So the Jews said to Him, “You are not yet fifty years old, and have You seen Abraham?” Jesus said to them, “Truly, truly, I say to you, **before** Abraham **came into being, I am.**”) (NASB)

Khác với TKTC, chúng tôi cố ý viết thường cụm “Ta là” để đọc giả khỏi đoán trước! Chúng ta có nhận thấy sự ngược đời của các thì của các động từ trong câu trả lời của Chúa Giê-su không? Trước hết, Áp-ra-ham “đã đến trong sự hiện hữu” được viết trong thì quá khứ (nghĩa là, “**đã đến**” hay “**came into being**”). Sau đó, Chúa dùng chữ “**trước khi**” (“**before**” trong tiếng Anh). Một động từ xảy ra “trước khi” một động từ khác đã xảy ra trong quá khứ đáng lẽ phải được viết trong thì “past perfect” (quá khứ hoàn thành): Before Abraham **came** into being, I **had been** (**Trước khi** Áp-ra-ham **đã đến** trong sự hiện hữu, Ta “**đã là**” (xin chú ý tiếng Việt không có thì past perfect.). Nhưng không, Chúa không dùng “Ta đã là” mà nói “**Ta là**” (thì hiện tại).

Khi còn phụ thuộc vào thời gian, thì hành động của ta mới được chia ra thì. Nhưng đối với Đức Chúa TRỜI là Đấng ngự ngoài thời gian, thì không áp dụng cho Ngài; Ngài không chịu phục thời gian. Vì vậy Đức Chúa Giê-su không nói rằng "Ta đã là" mà nói rằng "Ta là" trong một bối cảnh nằm trong quá khứ. Sự ngược ngạo về thời tính trong câu phát biểu này xác định một lần nữa sự vượt quá dòng thời gian—là một trong các tạo vật của Đấng Tạo Hoá Đức Chúa TRỜI. Nó còn cho chúng ta biết chính Đức Chúa Giê-su Đấng Cờ-rít là YHWH ("Gia-vê") hay "TA LÀ" trong sách Xuất hành khi Ngài mạc khải chính Ngài cho Mô-se.

3- Kết luận:

Đức Chúa TRỜI mạc khải cho chúng ta biết tên Ngài là TA LÀ và YHWH. Có thể hai danh này có liên hệ về mặt ngữ pháp, nhưng chúng ta không biết chính xác như thế nào. Danh YHWH không thể phát âm được, nên loài người chúng ta dịch âm thành Giê-hô-va và Gia-vê tùy theo cách thêm vào YHWH các mẫu âm. Danh "TA LÀ" mạc khải cho chúng ta nhiều chân lý về Ngài: Ngài là nguồn của mọi sự hiện hữu, là Đấng Tự Có và Hằng Có, là Đấng vượt quá dòng thời gian nói riêng và tạo vật nói chung, và cuối cùng chính Đức Chúa Giê-su Đấng Cờ-rít là YHWH.

Ghi chú:

1- Tetragrammaton: <http://en.wikipedia.org/wiki/Tetragrammaton>

2- Dịch âm: Tác giả bài này dịch chữ transliterate thành "dịch âm." "Dịch âm" khác với "dịch nghĩa" (translate) hay đơn giản hơn là "dịch." Dịch hay dịch nghĩa từ tiếng Anh sang tiếng Việt là đi tìm một chữ tương đương trong tiếng Việt để diễn tả cho đọc giả người Việt hiểu chữ tiếng Anh đó. Còn dịch âm từ tiếng Anh qua tiếng Việt là đi tìm một chữ trong tiếng Việt có cách phát âm giống như hay gần giống nhất với chữ tiếng Anh. Dịch nghĩa (translate) duy trì nghĩa của chữ. Dịch âm (transliterate) duy trì cách phát âm của chữ.

3- John D. Hannah, Exodus, The Bible Knowledge Commentary, hiệu đính bởi John F. Walvoord, và Roy B. Zuck, Victor Books, trang 112, bản quyền năm 1985 (1994)